TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1212/**2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2017
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Hòa.
Bà Lê Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Võ Thị Vĩnh Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 112/2016/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 713/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2017; Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà X, sinh năm 1981 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: số A đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

Ông L, sinh năm 1967 (Vắng mặt)
Quốc tịch : Malaysia.
Địa chỉ: Malaysia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà X trình bày:

Năm 2014, bà và ông L tự nguyện kết hôn tại Malaysia và đã được Cơ quan có thẩm quyền của Malaysia cấp giấy chứng nhận kết hôn số 318109 ngày 07/4/2014 (đã ghi chú kết hôn tại Việt Nam – trích lục ghi chú kết hôn số 05/TLGCKH ngày 16/3/2016 của Ủy ban nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí

Minh). Một thời gian sau khi kết hôn và chung sống tại Malaysia, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn do sự khác biệt về tính cách và bất đồng trong quan điểm sống. Sau đó, bà trở về Việt Nam lập nghiệp và mất hẳn liên lạc với chồng. Nay, thời gian xa cách đã đủ dài và xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà khởi kiện xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn là ông L: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Malaysia, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông L có văn bản gửi tòa án trình bày ý kiến về việc bà X khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo công văn ủy thác tư pháp số 809/TTTPHNGĐ-TGĐVNCTN ngày 02/8/2016). Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có công văn đề nghị Bộ Ngoại giao thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định. Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được văn bản thông báo về kết quả tống đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của đương sự ở nước ngoài và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 4 Điều 477 và có công văn đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc thực hiện tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho ông L ở nước ngoài (Công văn số 409/TATP-TGĐVNCTN ngày 26/5/2017). Để đảm bảo việc xét xử theo đúng hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập theo quy định; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân của nguyên và bị đơn không hạnh phúc, đã một thời gian dài hai người không chung sống bên nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, trích lục ghi chú kết hôn số 05/TLGCKH ngày 16/3/2016 của Ủy ban nhân dân quận D ghi nhận bà X và ông L tự nguyện kết hôn tại Malaysia và đã được Cơ quan có thẩm quyền của Malaysia cấp giấy chứng nhận kết hôn số 318109 ngày 07/4/2014. Trong trường hợp này, dù hai đương sự đăng ký kết hôn ở nước ngoài nhưng đã được ghi chú kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam nên được xác định là hợp lệ. Căn cứ lời trình bày của đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông L có quốc tịch Malaysia, hiện đang định cư tại Malaysia. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu cung cấp bản khai, thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến hạn định sau cùng Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của ông L. Xét, yêu cầu của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm c Khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản tự khai của nguyên đơn, trích lục ghi chú kết hôn số 05/TLGCKH ngày 16/3/2016 của Ủy ban nhân dân quận D ghi nhận bà X và ông L tự nguyện kết hôn tại Malaysia và đã được Cơ quan có thẩm quyền của Malaysia cấp giấy chứng nhận kết hôn số 318109 ngày 07/4/2014, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa bà X với ông L được xác lập trên cơ sở tự nguyện và quan hệ hôn nhân này đã được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Theo trình bày của bà X thì sau khi kết hôn, bà cùng chồng có một thời gian chung sống tại Malaysia, tuy nhiên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Bà trở về Việt Nam, ông L tiếp tục ở lại Malaysia, từ đó hai người không còn liên hệ gì với nhau cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà X khởi kiện yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông L để ổn định cuộc sống.

Đối với bị đơn ông L hiện đang định cư tại Malaysia, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định yêu cầu ông L có ý kiến bằng văn bản gửi tòa án về trường hợp xin ly hôn của nguyên đơn nhưng ông L không có ý kiến phản hồi.

Xét thấy, theo trình bày của nguyên đơn thì cuộc sống hôn nhân giữa bà X với ông L chỉ tồn tại trong thời gian ngắn nên giữa hai người thiếu đi sự cảm thông và nghĩa tình sâu nặng. Hơn nữa, bất đồng về ngôn ngữ, về quan điểm sống cũng là tác nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không

thể tự giải quyết. Bởi lý do này, chỉ một thời gian ngắn bên nhau bà X trở về Việt Nam sinh sống, bản thân ông L cũng không có phản ứng tích cực gì và từ đó hai người không còn trao đổi, liên hệ với nhau qua thư từ, điện thoại; điều này cho thấy sự yêu thương, gắn kết giữa người vợ và người chồng không còn, duy trì hôn nhân cũng không thể đem lại hạnh phúc cho họ. Vì vậy theo yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho bà X được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông L như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa; đồng thời bà X phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về lời khai của mình khi tòa án giải quyết vụ án này.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 477, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 121, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà X:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà X được ly hôn với ông L.

Ghi chú kết hôn đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 318109 ngày 07/4/2014 do cơ quan có thẩm quyền của Malaysia cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà X phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 03211 ngày 25/3/2016 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền đã nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc

bản án được niêm yết; Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thời hạn kháng cáo là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Giang